

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **117/2020/HS-ST**

Ngày: 11/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH BÌNH THUẬN**

- *Tnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bích Thị Kim Pháp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di – Cán bộ hưu trí.

2. Ông Phạm Lê Thụy – Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện TP.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Trần Hải Điền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP Mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 114/2020/TLST - HS, ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2020/HSST-QĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hồ Văn T, sinh năm 1991; Giới tính: Nam; tại tỉnh Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: khu phố XG, thị trấn PR, huyện TP, tỉnh Bình Thuận; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề ngQ: Không; Trình độ học vấn: 02/12; Con ông: Hồ Nở và bà Nguyễn Thị Lòng; Vợ, con: không có

Tiền án, tiền sự: không có.

Hoạt động nhân thân của bị cáo:

Ngày 18.6.2009, Hồ Văn T bị Chủ tịch UBND huyện TP ra quyết định đưa vào Trại giáo dưỡng về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” trong thời hạn 24 tháng. Chấp hành xong ngày 18.6.2011.

Ngày 01.6.2020, Hồ Văn T bị Tòa án nhân dân huyện TP áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Ngày 03.6.2020, Hồ Văn T bị Công an thị trấn PR- huyện TP ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “trộm cắp tài sản”

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 11/8/2020, hiện đang tại ngoại ở khu phố XG, thị trấn PR, huyện TP, tỉnh Bình Thuận (có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại: Bà Lương Sám M, sinh năm 1976; địa chỉ: khu phố TG 02, thị trấn PR, huyện TP, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1969; địa chỉ: khu phố XG01, thị trấn PR, huyện TP, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

2/ Bà Trương Thị Ánh O, sinh năm 1967; địa chỉ: khu phố MT 03, thị trấn PR, huyện TP, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

- Người làm chứng: Bà Lê Thị Q, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố XG01, thị trấn PR, huyện TP, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng trưa ngày 18.5.2020, Hồ Văn T đi xe đạp từ khu phố XG, thị trấn PR, huyện TP đến khu vực gần trường Tiểu học PR 5 thuộc khu phố TG 2, thị trấn PR, huyện TP, T quan sát thấy tiệm tạp hóa của Lương Sám M không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T lén lút bí mật đi vào bên trong tiệm tạp hóa nhìn thấy có 01 chiếc giỏ xách màu xanh không có dây kéo khóa, bên trong giỏ xách có chứa các loại card điện thoại di động nhiều mệnh giá khác nhau, T đi đến lấy chiếc giỏ xách màu xanh rồi điều khiển xe đạp chạy đi. T đi xe đạp đến khu vực Bưu điện thị trấn PR thì dừng xe lại lấy số card và cọc tiền vừa lấy trộm có trong túi xách bỏ trong bịch nilon màu trắng cất giấu trong người rồi vứt bỏ chiếc túi xách màu xanh bên lề đường. Sau đó, T tiếp tục điều khiển xe đạp đi đến khu vực kè biển tại thuộc khu phố XG1, thị trấn PR, huyện TP thì gặp Nguyễn Thị H, T đưa cho H bịch nilon có chứa nhiều loại card của các nhà mạng Viettel, Mobiphone, Vinaphone và Vietnamobile với các mệnh giá từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng có tổng trị giá là 1.300.000 đồng, H không biết đây là tài sản do T trộm cắp mà có nên đồng ý mua số card trên với giá 1.200.000 đồng. Tiếp tục, T lấy cọc tiền lẻ T lấy trộm được của M ra đếm được 90.000 đồng. Cùng lúc này, Lê Thị Q nhìn thấy T bán card với giá rẻ nên hỏi mua, T lấy 03 card điện thoại di động mạng Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng và bán cho Q 40.000 đồng/03 card. T tiếp tục đi xe đạp đến nhà của Trương Thị Ánh O tại khu phố MT 3, thị trấn PR, huyện TP, T nói với O có card điện thoại cần bán, do O không biết đây là card do T trộm cắp được mà có nên đã đồng ý mua. O đếm được nhiều loại card của các nhà mạng Viettel, Mobiphone, Vinaphone và Vietnamobile với các mệnh giá từ 10.000 đồng đến 100.000 đồng có tổng trị giá là 1.000.000 đồng, O trả cho T 450.000 đồng, T đồng ý. T nhìn thấy trong bịch nilon màu trắng còn lại 02 card điện thoại không rõ nhà mạng có mệnh giá 10.000 đồng bị hư hỏng nên vứt bỏ. Đến ngày

03.6.2020 Trương Thị Ánh O đã tự nguyện giao nộp cho Công an thị trấn PR số card đã mua từ Hồ Văn T bao gồm: 03 card Vietnamobile mệnh giá 50.000 đồng; 06 card Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng; 03 card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng. Cùng ngày 03.6.2020, Nguyễn Thị H đã tự nguyện giao nộp cho Công an thị trấn PR toàn bộ số card đã mua từ Hồ Văn T và số card điện thoại của H (đây là số card điện thoại của H và số card điện thoại H mua của T bỏ chung với nhau) bao gồm: 10 card Vietnamobile mệnh giá 20.000 đồng; 07 card Viettel mệnh giá 20.000 đồng; 20 card Viettel mệnh giá 50.000 đồng. Riêng Lê Thị Q đã nộp vào điện thoại 03 card điện thoại di động mạng Vinaphone mệnh giá 20.000 đồng để sử dụng nên không thu hồi được.

Như vậy, Hồ Văn T đã trộm cắp tài sản có tổng trị giá là: 90.000 đồng + 2.380.000 đồng = 2.470.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP: Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố theo Cáo trạng số: 117/CT-VKS-TP, ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TP.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hồ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Hồ Văn T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về tang vật chứng: Nguyễn Thị H và Trương Thị Ánh O không yêu cầu nhận lại số card điện thoại đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra mà yêu cầu trả lại cho người bị hại Lương Sám M nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Lương Sám M 03 card Vietnamobile mệnh giá 50.000 đồng; 06 card Mobiphone mệnh giá 50.000 đồng; 03 card Vinaphone mệnh giá 50.000 đồng; 10 card Vietnamobile mệnh giá 20.000 đồng; 07 card Viettel mệnh giá 20.000 đồng và 20 card Viettel mệnh giá 50.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Về phần bồi thường dân sự: Người bị hại Lương Sám M không yêu cầu bồi thường gì thêm và cho Hồ Văn T số tiền 90.000 đồng không thu hồi được nên không xem xét. Riêng đối với Trương Thị Ánh O và Nguyễn Thị H là những người mua nhằm tài sản của bị cáo trộm cắp mà có, O và H không yêu cầu bồi thường gì thêm và cho bị cáo số tiền đã mua nhằm tài sản nên không xem xét.

Bị cáo Hồ Văn T không trình bày lời bào chữa và đồng ý quan điểm truy tố của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

Căn cứ vào các chứng cứ và các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện TP: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, trình tự thủ tục tố tụng cũng như các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] Về chứng cứ buộc tội của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, bị cáo khẳng định những lời khai của mình trong quá trình điều tra vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không bị bức cung, ép cung và bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng pháp luật, không oan sai. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Trưa ngày 18/5/2020 bị cáo Hồ Văn T, đi xe đạp vòng khu vực thị trấn PR mục đích tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Bị cáo quan sát thấy tiệm tạp hóa của Lương Sám M không có người trông coi nên vào trộm. Bị cáo lén lút bí mật đi vào bên trong tiệm tạp hóa nhìn thấy có 01 chiếc giỏ xách màu xanh không có dây kéo khóa, bên trong giỏ xách có chứa các loại card điện thoại di động nhiều mệnh giá khác nhau và tiền. Tổng cộng tài sản trộm cắp được là 2.470.000đồng (trong đó tiền mặt 90.000đồng và số sim card các loại trị giá trị là 2.380.000 đồng). Vì vậy, bản cáo trạng số: 117/CT-VKS-TP, ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện TP, truy tố bị cáo Hồ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như đã viện dẫn trong cáo trạng là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Hồ Văn T là công dân có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận biết được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì bản tính tham lam, lười lao động, (muốn có tiền sử dụng ma túy) nhưng không do sức lao động của bản thân làm ra, bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của bị hại Lương Sám M với số tiền 2.470.000đồng. Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp, với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải tuyên phạt bị cáo bằng một mức án nghiêm khắc đủ để răn đe, giáo dục và tuyên truyền phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường ít nghiêm

trọng, Tnh khẩn khai báo, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Từ phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở Tnh người có ích cho mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở Tnh người có ích cho xã hội, đồng thời nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về các tang vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản nên không xem xét xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Riêng đối với Trương Thị Ánh O và Nguyễn Thị H là những người mua nhằm tài sản của bị cáo trộm cắp mà có, O và H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và cho bị cáo số tiền đã mua nhằm tài sản nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Đối với quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tại phiên tòa là có căn cứ, nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố: Bị cáo Hồ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Hồ Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Hồ Văn T phải nộp **200.000** đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Án xử công khai có mặt bị cáo, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/11/2020). Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS (tỉnh + huyện);
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi,
nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Bích Thị Kim Pháp